

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc H – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 8 - 2022

V/v: Ly hôn giữa chị T và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hình

Ông Lê Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt, kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã S, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 25/5/1999. Trong quá trình chung sống anh H không quan tâm đến kinh tế gia đình, nhiều lần đánh chị. Gia đình có khuyên bảo nH không có kết quả. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, đề nghị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Đỗ Thị A, sinh ngày 01/9/2000, Đỗ Thị Ngọc A1, sinh ngày 29/10/2002 và Đỗ Thị Ngọc B, sinh ngày 12/3/2008. Hiện nay cháu Đỗ Thị A và cháu Đỗ Thị Ngọc A1 đã trưởng thành chị

không có yêu cầu gì về việc trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Đỗ Thị Ngọc B đang ở với anh Đỗ Văn H. Sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Ngọc B, không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã đúng thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Đề nghị xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn H.

+ Về con chung chưa thành niên: Giao cháu Đỗ Thị Ngọc B, sinh ngày 12/3/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần 2 nH không có mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn H kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 5/1999 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ nhiều năm nay, nguyên nhân là do anh H không quan tâm đến kinh tế gia đình, nhiều lần đánh chị T. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh H có 03 con chung, trong đó cháu Đỗ Thị A, sinh ngày 01/9/2000 và Đỗ Thị Ngọc A1, sinh ngày 29/10/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét việc trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Đỗ Thị Ngọc B, sinh ngày 12/3/2008, để đảm bảo quyền lợi của các con chung, trên cơ sở nguyện vọng của con chung, nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cháu Đỗ Thị Ngọc B, sinh ngày 12/3/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi cháu B cho chị T là phù hợp với quy định của Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, công nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung chưa thành niên: Chị Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc B, sinh ngày 12/3/2008. Anh Đỗ Văn H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị T. Anh Đỗ Văn H có trách nhiệm giao cháu Đỗ Thị Ngọc Bích cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nH được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0004648 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã S;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

